

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1559/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tố Nữ
2. Bà Trần Thị Mỹ Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Mú Danh K**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải thì nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Mú Danh K kết hôn vào năm 2007 theo giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/07 do Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do ông K không có trách nhiệm với gia đình, lừa lấy hết tiền của bà và bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác. Bà đã cho ông cơ hội để thay đổi nH ông K vẫn vậy thường

xuân bỏ nhà đi mấy tháng không về, một mình bà phải nuôi con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Thời gian chung sống vợ chồng có một con chung tên Mú Minh T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2010, hiện con đang sống với mẹ. Tài sản chung và nợ chung không có. Nay không thể chịu đựng được cuộc sống như vậy nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K. Con chung bà yêu cầu được nuôi và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn Mú Danh K đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng đương sự vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn gửi cho tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đủ và đúng những người tham gia tố tụng, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vụ án chưa đảm bảo thời hạn xét xử theo quy định, về thời hạn giao hồ sơ và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đúng quy định, việc cấp tổng đạt thực hiện đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì yêu cầu của bà Nguyễn Thị H xin ly hôn với ông Mú Danh K là có cơ sở chấp nhận. Con chung giao cho bà H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, nợ chung khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do bận công việc. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H và ông Mú Danh K kết hôn vào năm 2007 theo giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/07 do Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2007 nên hôn nhân của bà H và ông K là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do ông K thường xuyên vắng nhà không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho vợ con và đã chung sống với người phụ nữ khác. Bà H đã khuyên nhủ và cho ông K cơ hội để thay đổi nhưng ông K vẫn không thay đổi, thường xuyên vắng nhà để một mình bà phải nuôi con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn không muốn chung sống với ông K nữa. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Xét yêu cầu của bà H là có cơ sở bởi lẽ, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, nhưng ông K đã thường xuyên vắng nhà không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho vợ con và có người phụ nữ khác bên ngoài. Mặt khác, việc ông K cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình mặc dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà H khai có một con chung tên Mú Minh T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2010 hiện đang sống với mẹ. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà H là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận, giao cho bà H được chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Minh T, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có nên không xem xét giải quyết.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Mú Danh K. Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/07 do Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2007 không còn giá trị.

2. Về con chung: Giao con chung tên Mú Minh T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2010 cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0043238 ngày 09/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q. Bình Tân;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Ba